

Bản án số: 45/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 07 - 5 - 2024

V/v: "Xin ly hôn,  
tranh chấp nuôi con chung"

## NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ – KIÊN GIANG

*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa:* Bà **Trần Thu In**

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà **Chung Kim Sang**

Bà **Đoàn Thị Liễu**

*Thư ký phiên tòa:* Bà **Trần Thị Mỹ Linh** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:* Bà **Phạm Thị Thúy Kiều** - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 451/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2023, về việc "Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

\* Nguyên đơn: Chị **Huỳnh Kim L**, sinh năm 1994 (có mặt);

Địa chỉ: số 135/1B, đường C, phường V, thành phố R, Kiên Giang.

\* Bị đơn: Anh **Lê Văn H**, sinh năm 1987 (vắng mặt);

Địa chỉ: số 121/14, đường M, phường V, thành phố R, Kiên Giang.

\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông **Thiêm Văn S**, sinh năm 1964 (có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: số 86/1, đường N, khu phố 2, phường S, thành phố R, Kiên Giang.

- Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1967 (có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: số 289/48, đường T, khu phố 6, phường S, thành phố R, Kiên Giang.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

\* Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 18/9/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Huỳnh Kim L thống nhất trình bày: Chị L và anh Lê Văn H tự quen nhau, chung sống không có tổ chức lễ cưới năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường S, thành phố R, tỉnh Kiên Giang ngày 04/7/2014.

Lý do xin ly hôn: Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến khoảng năm 2020 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày, nên thường xuyên xảy ra cự cãi bất hòa. Vợ chồng đã sống ly thân khoảng năm 2020.

Chúng tôi đã nhiều lần hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không hàn gắn được. Thấy rằng đời sống chung không thể hòa hợp nên chị L làm đơn yêu cầu ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị L xác định có 03 người con chung tên Lê Mỹ D, sinh ngày 05/10/2011; Lê Anh T, sinh ngày 11/6/2012 và Lê Tuấn K, sinh ngày 09/12/2020, hiện nay đang sống với anh H. Tại đơn khởi kiện, chị L yêu cầu nuôi dưỡng cháu Lê Mỹ D, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con; yêu cầu giao 02 cháu Lê Anh T và Lê Tuấn K cho anh H nuôi dưỡng, chị L không cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa, chị L xác định do 02 người con chung là Lê Mỹ D và Lê Anh T có nguyện vọng muốn sống chung với anh H, nên chị L đồng ý giao 03 người con chung cho anh H nuôi dưỡng, chị L không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị L xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị L xác định không có.

\* Bị đơn anh Lê Văn H có ý kiến trình bày trong quá trình giải quyết vụ án: Về hôn nhân anh H đồng ý ly hôn với chị Huỳnh Kim L.

Về con chung: có 03 người con chung tên Lê Mỹ D, sinh ngày 05/10/2011; Lê Anh T, sinh ngày 11/6/2012 và Lê Tuấn K, sinh ngày 09/12/2020, hiện nay đang sống với anh H. Anh H yêu cầu nuôi dưỡng 03 người con chung, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh H xác định vợ chồng có một số nợ chung bao gồm: dì H số tiền 9.700.000 đồng; ông Thiềm Văn S số tiền 8.000.000 đồng; Lê Cẩm N số tiền 17.700.000 đồng; anh T số tiền 16.800.000 đồng; cô 9 H1 số tiền 8.200.000 đồng. Anh H yêu cầu chia đôi số nợ chung nêu trên mỗi người trả  $\frac{1}{2}$ . Tất cả số tiền nợ nêu trên không có làm biên nhận, và cũng không có chứng cứ gì để chứng minh, anh H yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Thiềm Văn S có ý kiến trình bày: Khoảng năm 2020 ông S có cho chị Huỳnh Kim L, anh Lê Văn H mượn số tiền 11.000.000 đồng, đưa trực tiếp cho anh Lê Văn H, không có làm biên nhận. Sau đó chị L, anh H có trả cho ông S nhiều lần được số tiền vốn 3.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền 8.000.000 đồng.

Hiện nay, chị Huỳnh Kim L yêu cầu xin ly hôn anh Lê Văn H, ông S không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nợ nêu trên trong vụ án này, nếu phát sinh tranh chấp sẽ khởi kiện thành vụ kiện khác.

\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H có ý kiến trình bày: Khoảng năm 2014 bà H có cho chị Huỳnh Kim L, anh Lê Văn H mượn tiền nhiều lần, số tiền 9.700.000 đồng, đưa trực tiếp cho chị L với anh H, không có làm biên nhận; sau đó chị L, anh H trả nhiều lần, hiện nay còn nợ bà H số tiền 9.700.000 đồng. Bà H cũng không cung cấp được chứng cứ gì khác để chứng minh số tiền nợ nêu trên.

Hiện nay, chị Huỳnh Kim L yêu cầu xin ly hôn anh Lê Văn H, bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nợ nêu trên trong vụ án này, nếu phát sinh tranh chấp sẽ khởi kiện thành vụ kiện khác.

\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá phát biểu ý kiến về thủ tục tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán:

+ Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Thẩm quyền thụ lý vụ án: Đây là vụ án “Tranh chấp ly hôn và nuôi con”, nơi ở hiện nay của bị đơn là ở phường Vĩnh Lợi, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS) vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

+ Về quan hệ tranh chấp: Thẩm phán thụ lý vụ án “Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung”; xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các bên đương sự; đồng thời đưa đầy đủ những người này tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 68 BLTTDS. Thẩm phán tiến hành việc giao nhận Thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và đương sự đúng quy định tại Điều 195, 196 BLTTDS.

+ Về chứng cứ, chứng minh: Thẩm phán tiến hành thu thập chứng cứ theo đúng quy định tại điểm h khoản 2 Điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự; đồng thời, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải giữa các bên đương sự theo đúng quy định từ Điều 208, 209, 210, 211 BLTTDS.

+ Chuẩn bị xét xử: Từ khi thụ lý vụ án ngày 10/10/2023, Thẩm phán đã tiến hành các bước thu thập tài liệu, chứng cứ, tổng đạt các giấy tờ hợp lệ cho các bên đương sự; ngày 25/3/2024, Thẩm phán ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử là quá thời hạn theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của BTLTDS.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quy định tại Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự

*Về nội dung:*

Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2014, chị L cùng anh H tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND phường S, thành phố R, tỉnh Kiên Giang, được cấp ngày 04/7/2012, nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Theo biên bản lấy lời khai của anh H và biên bản hòa giải cho thấy anh H đồng ý ly hôn với chị L. Tại phiên tòa hôm nay, chị L vẫn cương quyết ly hôn với anh H nên thấy rằng mối quan hệ hôn nhân giữa anh H và chị L đã làm vào mức trầm trọng, không thể hàn gắn. Hơn nữa, anh H và chị L đã ly thân từ năm 2020 đến nay, nên căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị L.

Về con chung: Thời gian chung sống, chị L và anh H có 03 người con chung là Lê Mỹ D, sinh ngày 05/10/2011; Lê Anh T, sinh ngày 11/6/2012 và Lê Tuấn K, sinh ngày 09/12/2020, hiện đang sống chung với anh H.

Xét thấy, cháu K sinh ngày 09/12/2020 là dưới 7 tuổi, trong quá trình giải quyết vụ án, chị L và anh H đã thỏa thuận việc nuôi cháu K sẽ do anh H chăm sóc, nuôi dưỡng. Hiện tại cháu K đang sinh sống cùng anh H, anh cũng có nguyện vọng

chăm sóc, nuôi dưỡng cháu K nên anh H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu K là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Song, cháu D và cháu T đã trên 7 tuổi, nên căn cứ theo biên bản lấy lời khai của 02 cháu có nguyện vọng theo cha là anh H nên giao anh H tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng cháu D và cháu T là phù hợp theo nguyện vọng của 02 cháu.

Về tài sản chung, nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, anh H yêu cầu chị L cùng trả các khoản nợ chung nhưng anh H không có gì chứng minh. Theo biên bản hòa giải ngày 21/3/2024, chị L và anh H thống nhất ý kiến xác định giữa anh chị không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông S và bà H: Theo biên bản lấy lời khai đối với ông S ngày 23/02/2024 và ngày 22/3/2024 đối với bà H đều xác nhận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn anh Lê Văn H vắng mặt không rõ lý do. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Thiềm Văn S, bà Nguyễn Thị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và nguyên đơn đồng ý xét xử vắng mặt các đương sự có tên nêu trên. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Lê Văn H, ông Thiềm Văn S, bà Nguyễn Thị H.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Huỳnh Kim L khởi kiện xin ly hôn, tranh chấp nuôi con chung với bị đơn anh Lê Văn H. Do đó, Tòa án xác định quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp hôn nhân gia đình về ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Kim L và anh Lê Văn H kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, chung sống không có tổ chức lễ cưới vào năm 2009, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật và được Ủy ban nhân dân phường S, thành phố R, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 04/7/2014, nên theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 đây là hôn nhân hợp pháp.

Nguyên nhân xin ly hôn chị L xác nhận là do mâu thuẫn trong sinh hoạt hằng ngày, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, nên thường xuyên xảy ra cự cãi, bất hòa; mặc dù chị L và anh H đã tự hòa giải đề đoàn tụ nhiều lần nhưng không có kết quả, mâu thuẫn vợ chồng càng trở nên sâu sắc và anh chị đã sống ly thân với nhau từ cuối năm 2020 đến nay. Nay chị L xét thấy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng nên yêu cầu được ly hôn với anh H.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh H có ý kiến đồng ý ly hôn với chị L.

Hội đồng xét xử xét thấy, vợ chồng chị L và anh H không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau để xây dựng mái ấm gia đình bền vững, hạnh phúc; thời gian anh chị sống ly thân nhưng vẫn không hàn gắn được tình cảm vợ

chồng và tình trạng hôn nhân giữa anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận cho chị L được ly hôn với anh H.

[4] Về con chung: Chị L, anh H xác định quá trình chung sống có 03 người con chung tên Lê Mỹ D, sinh ngày 05/10/2011; Lê Anh T, sinh ngày 11/6/2012 và Lê Tuấn K, sinh ngày 09/12/2020, hiện nay đang sống với anh H. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị L và anh H có ý kiến thống nhất giao 03 người con chung cho anh H nuôi dưỡng, chị L không cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, từ khi anh chị sống ly thân thì 03 người con chung sống chung với anh H; đồng thời tại biên bản trình bày nguyện vọng của cháu D và cháu T có nguyện vọng muốn sống chung với cha là anh H khi cha mẹ ly hôn nhau, nên Hội đồng xét xử thống nhất giao 03 người con chung cho anh H tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng. Anh H không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Chị L, anh H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: Chị L xác định không có nợ chung.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh H xác định vợ chồng có một số nợ chung bao gồm: dì H số tiền 9.700.000 đồng; ông Thiềm Văn S số tiền 8.000.000 đồng; Lê Cẩm N số tiền 17.700.000 đồng; anh T số tiền 16.800.000 đồng; cô 9 H1 số tiền 8.200.000 đồng. Anh H yêu cầu chia đôi số nợ chung nêu trên mỗi người trả ½. Anh H xác định tất cả số tiền nợ nêu trên không có làm biên nhận, và cũng không có chứng cứ gì để chứng minh, yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Chị L không đồng ý với yêu cầu nêu trên của anh H.

Đồng thời, ông Thiềm Văn S, bà Nguyễn Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nợ trong vụ án này, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Nếu sau này các bên đương sự có phát sinh tranh chấp về số nợ chung nêu trên; đồng thời, cung cấp được đầy đủ chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình thì có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác.

[7] Về án phí: Nguyên đơn chị Huỳnh Kim L phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

#### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

*Tuyên xử:*

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Huỳnh Kim L được ly hôn với anh Lê Văn H.

2/ Về con chung: Giao 03 người con chung tên Lê Mỹ D, sinh ngày 05/10/2011; Lê Anh T, sinh ngày 11/6/2012 và Lê Tuấn K, sinh ngày 09/12/2020 cho anh Lê Văn H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng.

Chị Huỳnh Kim L có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

3/ Về tài sản chung: Chị Huỳnh Kim L, anh Lê Văn H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4/ Về nợ chung: Chị L xác định không có nợ chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5/ Về án phí: Buộc chị Huỳnh Kim L phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng, chị L được khấu trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002670 ngày 18/9/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 07/5/2024). Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

\* *Nơi nhân:*

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND Tp. Rạch Giá;
- Chi cục THA dân sự Tp. Rạch Giá;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**TRẦN THU IN**

